

Số: /QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính  
được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước  
của Thanh tra thành phố Đà Nẵng

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến Kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính do Văn phòng Chính phủ ban hành;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Đà Nẵng tại Tờ trình số 1317/TTr-TTTP ngày 12/11/2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục gồm **16** thủ tục hành chính gồm các lĩnh vực: tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, phòng, chống tham nhũng (*cấp tỉnh 9 thủ tục; cấp xã 07 thủ tục*) chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra thành phố (*Chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND thành phố, Chánh Thanh tra thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thanh tra Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Công TTĐT thành phố;
- Trung tâm TTGSĐHTM (IOC);
- Trung tâm CDS&CNCL (DDS);
- Trung tâm PVHCC TP;
- VNPT Đà Nẵng;
- Lưu: VT, HCC, Thanh tra TP.

KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA THUỘC**  
**PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA THANH TRA THÀNH PHỐ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số \_\_\_\_\_ /QĐ-UBND ngày \_\_\_\_\_ tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Hình thức, địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày/ngày làm việc)	Lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
<b>A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>								
<b>I. Lĩnh vực Tiếp công dân</b>								
1	1.010943.H47	Thủ tục tiếp công dân tại cấp tỉnh	Trực tiếp tại Ban Tiếp công dân thành phố; bộ phận tiếp công dân của Thanh tra thành phố, các Sở.	10 ngày/ngày làm việc	Không	Luật Tiếp công dân; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật tiếp công dân Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Thanh	Ban Tiếp công dân thành phố; bộ phận tiếp công dân của Thanh tra thành phố, các Sở.	Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chánh thanh tra thành phố; Giám đốc Sở

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Hình thức, địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày/ngày làm việc)	Lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
						tra Chính phủ ban hành Quy định qui trình tiếp công dân.		
<b>II. Lĩnh vực Xử lý đơn</b>								
1	2.002499.H47	Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh	Trực tiếp hoặc gửi đơn qua dịch vụ bưu chính đến Ban Tiếp công dân thành phố; bộ phận tiếp công dân của Thanh tra thành phố, các Sở.	10 ngày/ngày làm việc	Không	Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố	Ban Tiếp công dân thành phố; bộ phận tiếp công dân của Thanh tra thành phố, các Sở.	Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chánh thanh tra thành phố; Giám đốc Sở

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Hình thức, địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày/ngày làm việc)	Lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
						cáo; Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.		
<b>III. Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại</b>								
1	2.002407.H47	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	Trực tiếp hoặc gửi đơn qua dịch vụ bưu chính đến trụ sở cơ quan giải quyết khiếu nại	Không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ	Không	Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020; Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy	Ban Tiếp công dân thành phố; bộ phận tiếp công dân của Thanh tra thành phố, các Sở.	Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chánh thanh tra thành phố; Giám đốc Sở

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Hình thức, địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày/ngày làm việc)	Lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
				ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.		trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.		
2	2.002411.H47	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	Trực tiếp hoặc gửi đơn qua dịch vụ bưu chính đến trụ sở cơ quan giải quyết khiếu nại	Không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn	Không	Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020; Thông tư số	Ban Tiếp công dân thành phố; bộ phận	Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chánh thanh tra thành phố; Giám đốc Sở

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Hình thức, địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày/ngày làm việc)	Lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
				<p>giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.</p> <p>Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý.</p>		05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.	tiếp công dân của Thanh tra thành phố, các Sở.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Hình thức, địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày/ngày làm việc)	Lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
<b>IV. Lĩnh vực Giải quyết tố cáo</b>								
1	2.002394.H47	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	Trực tiếp hoặc gửi đơn qua dịch vụ bưu chính đến trụ sở cơ quan giải quyết tố cáo	Không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.	Không	Luật Tố cáo; Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.	Ban Tiếp công dân thành phố; bộ phận tiếp công dân của Thanh tra thành phố, các Sở.	Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chánh thanh tra thành phố; Giám đốc Sở
<b>V. Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng</b>								
1	2.002401.H47	Thủ tục xác minh tài sản,	Trực tiếp, tại Thanh	Thời hạn xác minh là 15	Không		Thanh tra	Thanh tra thành

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Hình thức, địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày/ngày làm việc)	Lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
		thu nhập	tra thành phố	ngày làm việc, trường hợp phức tạp thì thời hạn tối đa không quá 30 ngày làm việc.			thành phố	phó
<b>B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH /CẤP XÃ</b>								
<b>1. Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng</b>								
1	2.002400.H47	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	Trực tiếp tại cơ quan, tổ chức, đơn vị của người có nghĩa vụ phải kê khai	Thời gian kê khai chậm nhất là ngày 30 tháng 11 hàng năm; việc kê khai tài sản, thu nhập phải hoàn thành chậm nhất là ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc giao nhận Bản kê	Không	Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Cơ quan nhà nước các cấp; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước; các doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện tổ chức triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập.	Cơ quan nhà nước các cấp; các đơn vị sự nghiệp công lập hành chính nhà nước; các doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện tổ chức triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập.

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Hình thức, địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày/ngày làm việc)	Lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
				khai phải hoàn thành chậm nhất vào ngày 31 tháng 03 của năm sau.			hiện tổ chức triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập.	
2	2.002402.H47	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	Trực tiếp tại cơ quan, tổ chức, đơn vị của người có nghĩa vụ phải kê khai	Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình: 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình	Không	Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước.	Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước.

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Hình thức, địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày/ngày làm việc)	Lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
3	2.002403.H47	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Trực tiếp tại cơ quan, tổ chức, đơn vị của người có nghĩa vụ phải kê khai	Không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn thời gian giải trình. Thời gian gia hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày, kể từ ngày gia hạn và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình.	Không	Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước.	Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước.

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Hình thức, địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày/ngày làm việc)	Lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
<b>C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b>								
<b>I. Lĩnh vực Tiếp công dân</b>								
1	1.010945.H47	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp xã	10 ngày/ngày làm việc	Không	Luật Tiếp công dân; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật tiếp công dân Thông tư số 04/2021/TT-TTCT ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ ban hành Quy định qui trình tiếp công dân.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Hình thức, địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày/ngày làm việc)	Lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
<b>II. Lĩnh vực Xử lý đơn</b>								
1	2.002501.H47	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	Trực tiếp hoặc gửi đơn qua dịch vụ bưu chính đến Ủy ban nhân dân cấp xã	10 ngày/ngày làm việc	Không	Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo; Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Hình thức, địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày/ngày làm việc)	Lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
						01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.		
<b>III. Lĩnh vực Khiếu nại</b>								
1	2.002409.H47	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Trực tiếp hoặc gửi đơn qua dịch vụ bưu chính đến trụ sở cơ quan giải quyết khiếu nại	Không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì	Không	Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020; Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Hình thức, địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày/ngày làm việc)	Lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
				thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.				
<b>IV. Lĩnh vực Tố cáo</b>								
1	2.002396.H47	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	Trực tiếp hoặc gửi đơn qua dịch vụ bưu chính đến trụ sở cơ quan giải quyết tố cáo	Không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo	Không	Luật Tố cáo; Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Hình thức, địa điểm thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày/ngày làm việc)	Lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Thẩm quyền giải quyết
				một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.		thi hành Luật Tố cáo.		